

PAYMENTS FOR FOREST ENVIRONMENTAL SERVICES WITH THE SUSTAINABLE MANAGEMENT AND PROTECTION OF FORESTS IN MUONG TE DISTRICT, LAI CHAU PROVINCE

Nguyen Xuan Truong^{1*}, Nong Thi Thuy¹, Tran Van Hung²

¹Thai Nguyen University

²Department of Natural Resources and Environment of Lai Chau Province

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	17/3/2021	Muong Te district, Lai Chau province is the watershed area of the Da River, which has great potential for hydropower (e.g. Lai Chau, Son La and Hoa Binh hydropower companies) and provides water for the Northern Delta and clean water for Hanoi. The article summarizes the implementation results of the payment policy for forest environmental services and their impacts on forest protection and development in Muong Te district, Lai Chau province. Based on secondary sources, expert and field surveys, the article generalizes the outstanding results of the implementation of payment policy for forest environmental services in Muong Te district from 2012 to 2018. The research results showed that the payment policy for forest environmental services contributed to the effective management and protection of 173,594 ha of forests in the district, made the district have the highest forest cover rate in Lai Chau province with nearly 65% in 2018, contributing to poverty reduction, livelihood improvement and promoting socialization of forest protection and development.
Revised:	20/4/2021	
Published:	28/4/2021	
KEYWORDS		
Payment		
Forest environmental services		
Management and protection of forests		
Muong Te		
Lai Chau		

CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG Ở HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Xuân Trường^{1*}, Nông Thị Thúy¹, Trần Văn Hùng²

¹Đại học Thái Nguyên, ²Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	17/3/2021	Huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu là khu vực đầu nguồn của sông Đà có tiềm năng lớn về thủy điện (thủy điện Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) và cung cấp nước cho vùng đồng bằng Bắc Bộ, nước sạch cho Thủ đô Hà Nội. Bài báo trình bày tóm tắt kết quả thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và tác động đến việc bảo vệ và phát triển rừng. Trên cơ sở các nguồn tài liệu thứ cấp, khảo sát ý kiến chuyên gia và điều tra thực tế, bài báo đã phân tích các kết quả nổi bật của việc thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện Mường Tè từ năm 2012 - 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đã góp phần quản lý và bảo vệ hiệu quả trên 173.594 ha rừng trên địa bàn huyện, tỷ lệ che phủ rừng cao nhất tỉnh Lai Châu và đạt gần 65,0% (năm 2018), góp phần giảm nghèo, cải thiện sinh kế và thúc đẩy xã hội hóa bảo vệ và phát triển rừng.
Ngày hoàn thiện:	20/4/2021	
Ngày đăng:	28/4/2021	
TỪ KHÓA		
Chi trả		
Dịch vụ môi trường rừng		
Quản lý và bảo vệ rừng		
Mường Tè		
Lai Châu		

* Corresponding author. Email: truongdhtn2009@gmail.com

1. Giới thiệu

Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) là một chính sách quan trọng được áp dụng từ năm 2011 tại nước ta. Thông qua thực hiện cơ chế tài chính những đối tượng được hưởng lợi từ rừng có trách nhiệm đóng góp nhằm bảo vệ phát triển rừng. Ngày 24/9/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, có ba loại dịch vụ môi trường rừng đã thực hiện chi trả từ năm 2011 đến nay gồm: (i) Dịch vụ bảo vệ đất, hạn chế sạt lở, bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; (ii) Dịch vụ điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội; (iii) Dịch vụ bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ du lịch [1].

Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách chi trả DVMTR gắn với bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững như: Công trình nghiên cứu có tính tổng quan về chi trả DVMTR ở Việt Nam, trong đó nghiên cứu trên ba khía cạnh của chính sách chi trả DVMTR gồm: xây dựng các cơ sở pháp lý, cơ chế chia sẻ lợi ích, giám sát và đánh giá [2]; phân tích hiệu quả của chính sách chi trả DVMTR tại Vườn quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông [3]; nghiên cứu tác động của chi trả DVMTR ở tỉnh Sơn La [4]; nghiên cứu đánh giá tác động của chương trình chi trả DVMTR đến hoạt động và ý thức bảo vệ rừng của người dân tại vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn [5]; nghiên cứu tiềm năng thực hiện chi trả DVMTR khu vực ven biển tỉnh Thanh Hóa [6]. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào được thực hiện ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu liên quan đến chính sách chi trả DVMTR gắn với bảo vệ và quản lý rừng bền vững ở huyện miền núi đầu nguồn sông Đà của nước ta.

Mường Tè là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu có 06 xã biên giới giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với 130,292 km đường biên. Chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn huyện những năm qua đã góp phần quản lý và bảo vệ hiệu quả trên 173.594 ha rừng trên địa bàn huyện, tỷ lệ che phủ rừng cao nhất tỉnh Lai Châu và đạt gần 65,0% (năm 2018), góp phần giảm nghèo, cải thiện sinh kế và thúc đẩy xã hội hóa bảo vệ và phát triển rừng. Với tổng diện tích tự nhiên của huyện Mường Tè là 267.934,16 ha, chiếm 29,6% diện tích của tỉnh Lai Châu, huyện có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia, là khu vực đầu nguồn của sông Đà có giá trị lớn về thủy điện (điều tiết nguồn nước cho thủy điện Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) và cung cấp nước cho vùng đồng bằng Bắc Bộ, nước sạch cho Thủ đô Hà Nội. Vì vậy, việc nghiên cứu chi trả DVMTR gắn với bảo vệ và quản lý rừng bền vững ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho các cấp chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả chính sách này trong những năm tiếp theo [7].

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Bài báo nghiên cứu công tác thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và quản lý rừng bền vững ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

2.2. Dữ liệu và Phương pháp nghiên cứu

- Dữ liệu được sử dụng trong bài báo được thu thập, tổng hợp và xử lý từ nguồn tài liệu thứ cấp của các cơ quan, sở ban ngành có liên quan của huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Tè; từ các công trình nghiên cứu của một số tác giả về vấn đề được đề cập trong bài báo; thông tin thu thập từ khảo sát thực tế địa bàn nghiên cứu. Nguồn thông tin thu thập được làm cơ sở để phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu.

- Tác giả sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích; phương pháp thống kê; phương pháp quan sát thực địa, phương pháp chuyên gia. Trên cơ sở những tài liệu thu thập có liên quan đến chi trả DVMTR ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, đưa ra những phân tích đánh giá khách quan, khoa học về vấn đề quản lý và bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn huyện và ý nghĩa của chính sách chi trả DVMTR trong giảm nghèo, cải thiện sinh kế và thúc đẩy xã hội hóa bảo vệ và phát triển rừng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình biến động tài nguyên rừng trên địa bàn huyện Mường Tè

Công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Tè luôn được các cấp chính quyền địa phương chú trọng. Với đa số diện tích rừng đầu nguồn, việc bảo vệ và phát triển rừng của Mường Tè có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ và giữ nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất nông lâm nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái, điều tiết nguồn nước cho các công trình thủy điện trọng điểm của quốc gia như: Thủy điện Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình và điều tiết nước cho sản xuất của đồng bằng Sông Hồng.

Huyện Mường Tè có tổng diện tích rừng khá lớn và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2012 - 2018. Năm 2015, diện tích rừng (gồm cả cây cao su) là khoảng 164.837 ha, bảo vệ rừng trên 200.000 lượt ha, khoanh nuôi tái sinh 65.760,2 lượt ha. Diện tích rừng tăng nhanh từ năm 2011 đến nay, từ 141.032 ha (năm 2011) lên 162.806 ha (năm 2015) và 170.036 ha (năm 2018), độ che phủ rừng tăng từ 52,8% năm 2011 lên gần 65,0% năm 2018 và là huyện có độ che phủ rừng cao nhất tỉnh. Trong cơ cấu diện tích rừng thì rừng đặc dụng giữ ổn định diện tích ở mức 21.000 - 22.000 ha/năm; diện tích rừng phòng hộ tăng nhanh từ 60.190 ha năm 2011 lên 65.77 ha năm 2015 và 78.873 ha năm 2018. Diện tích rừng sản xuất cũng tăng mạnh. Diện tích rừng phân bố ở tất cả 14 xã, thị trấn trong huyện, nhờ quan tâm phát triển kinh tế đồi rừng trên địa bàn huyện đã góp phần đem lại thu nhập khá cho người dân, góp phần bảo vệ môi trường rừng, giữ nước đầu nguồn, cải thiện cảnh quan thiên nhiên. Diện tích rừng trồng mới cũng tăng nhanh, trong 3 năm 2016 - 2018 trồng mới được 598,3 ha (năm 2016: 108 ha, năm 2017: 307,3 ha, năm 2018: 183 ha). Số liệu thống kê biến động tài nguyên rừng và tỷ lệ che phủ rừng huyện Mường Tè giai đoạn 2012 - 2018 được trình bày ở bảng 1 [7].

Bảng 1. Biến động tài nguyên rừng và tỷ lệ che phủ rừng huyện Mường Tè giai đoạn 2012 - 2018

(Đơn vị: ha)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng diện tích rừng (tính cả cây cao su)	162.687	162.806	149.425	164.837	166.120	170.316	173.594
1.1	Rừng đặc dụng	22.322	22.322	22.322	22.322	21.198	21.247	21.504
1.2	Rừng phòng hộ	66.774	65.777	52.359	67.939	74.291	77.174	78.873
1.3	Rừng sản xuất	73.591	74.745	74.745	74.576	63.198	64.462	72.932
1.4	Rừng ngoài quy hoạch					7.433	7.433	
2	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	60,68	60,76	60,78	61,50	62,00	63,57	64,79

(Nguồn: UBND huyện Mường Tè, 2019 [7])

3.2. Kết quả thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở huyện Mường Tè

3.2.1. Nguồn thu Quỹ bảo vệ và phát triển rừng

Tổng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) của tỉnh Lai Châu đến từ hai đối tượng chính: cơ sở thủy điện và cung cấp nước sạch, trong đó phần lớn nguồn thu từ các cơ sở thủy điện. Trong 5 năm (2014 - 2018), Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu đã thu được 1.587,2 tỷ đồng (năm 2014 thu 243,41 tỷ đồng; năm 2015 thu 211,97 tỷ đồng; năm 2016 thu 271,31 tỷ đồng; năm 2017 thu 342,86 tỷ đồng và năm 2018 là 517,38 tỷ đồng). Theo tài liệu của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu, nguồn thu từ DVMTR năm 2018 là 517,38 tỷ đồng, trong đó từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam là 452,14 tỷ đồng với 4 nhà máy thủy điện và 01 nhà máy nước (thủy điện Hòa Bình là 132,81 tỷ đồng, thủy điện Sơn La với 178,65 tỷ đồng, thủy điện Lai Châu là 97,95 tỷ đồng, thủy điện Huội Quảng là 41,24 tỷ đồng, Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex là 1,48 tỷ đồng). Nguồn thu từ Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu (nguồn thu nội tỉnh) là 65,24 tỷ đồng từ 12 nhà máy thủy điện nhỏ và 01 công ty nước sạch Lai Châu [8], [9].

Nguồn thu từ DVMTR được đưa về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu và được cấp điều phối chi đến các huyện, các chủ rừng theo tiêu chí quy định và quyết toán thực. Ban Quản lý rừng phòng hộ các huyện, UBND huyện và xã sẽ là đơn vị quản lý và chi trả DVMTR đến chủ rừng và người dân. Tổng thu từ các đơn vị cho Quỹ bảo vệ môi trường rừng tỉnh Lai Châu năm 2018 được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Tổng thu từ các đơn vị cho Quỹ bảo vệ môi trường rừng tỉnh Lai Châu năm 2018

STT	Nội dung	Công suất (MW)	Tổng thu (triệu đồng)
I	Từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam		452.142
1	Thủy điện Hòa Bình	1.920	132.813
2	Thủy điện Sơn La	2.400	178.655
3	Thủy điện Lai Châu	1.200	97.950
4	Thủy điện Huội Quảng	520	41.247
5	Công ty cổ phần nước sạch Vinaconex	-	1.477
II	Từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu (Các thủy điện nhỏ trên địa bàn)		65.241
	Tổng số		517.383

(Nguồn: Hội đồng Quản lý quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu [8])

3.2.2. Chi trả bảo vệ rừng và dịch vụ môi trường rừng

Hằng năm, Mường Tè là huyện có nguồn chi trả DVMTR cao nhất của tỉnh Lai Châu. Năm 2018 kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng lên đến hơn 180 tỷ đồng, chưa kể kinh phí bảo vệ rừng, trồng rừng thay thế, hỗ trợ hộ nghèo tham gia nhận khoán, khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Diện tích được chi trả DVMTR tăng nhanh qua các năm: năm 2013 là 87.987, năm 2015 là 174.942 ha, năm 2018 là 168.705 ha. Chi trả bảo vệ rừng và dịch vụ môi trường rừng huyện Mường Tè giai đoạn 2013 - 2018 được trình bày chi tiết ở bảng 3 [9].

Bảng 3. Chi trả bảo vệ rừng và dịch vụ môi trường rừng huyện Mường Tè giai đoạn 2013 - 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Bảo vệ rừng						
1.1	Diện tích bảo vệ rừng tự nhiên (ha)	28.517	28.038	58.508	57.709	57.070	96.970
1.2	Vốn thực hiện (tỷ đồng)	5,7	5,63	17,86	9,9	8,2	29,0
2	Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng						
2.1	Diện tích chi trả (ha)	87.987	86.219	174.942	196.232	166.985	168.705
2.2	Số tiền chi trả (tỷ đồng)	15,83	35,0	61,56	78,54	84,7	182,6
3	Trồng rừng thay thế						
3.1	Diện tích (ha)			42	97	512,9	500
3.2	Số vốn thực hiện (tỷ đồng)			1,0			5,78

(Nguồn: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Tè [9])

3.3. Thực trạng công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng tại huyện Mường Tè

3.3.1. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

a) Đánh giá chung

Năm 2018, người dân huyện Mường Tè đã được nhận hơn 180 tỷ đồng từ chính sách chi trả DVMTR cho 168.705 ha rừng. Nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng đã được cấp ủy, chính quyền đặt ra là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, UBND huyện Mường Tè đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, triển khai kế hoạch bảo vệ rừng; ban hành các văn bản chỉ đạo lực lượng vũ trang, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể

huyện, các xã, thị trấn chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, phương tiện sẵn sàng đảm bảo lực lượng cơ động cho nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô. Hạt Kiểm lâm huyện đã thành lập Trạm kiểm lâm tại hai xã Tà Tổng, Mù Cà và phân công cán bộ kiểm lâm phụ trách các xã, tổ chức các đoàn kiểm tra các địa bàn trọng điểm. Lực lượng kiểm lâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện các quy định bảo vệ rừng gắn với phòng cháy rừng, xử lý các vi phạm pháp luật gây cháy rừng; phối hợp các xã, thị trấn tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp xã với 398 thành viên và thành lập 126 tổ chuyên trách bảo vệ, phát triển rừng và thực hiện chính sách chi trả DVMTR tại các bản, khu phố [9].

Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của chính sách chi trả DVMTR, đời sống người dân dần được cải thiện, nhiều hộ đã sử dụng tiền chi trả DVMTR để tái đầu tư sản xuất, mua cây giống và vật nuôi; đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Từ đó, ý thức và trách nhiệm bảo vệ rừng của cấp ủy, chính quyền cấp xã và đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện Mường Tè được nâng cao, số vụ cháy rừng và thiệt hại do cháy rừng giảm rõ rệt. Trên địa bàn huyện không có vụ việc lớn về phá rừng, kinh doanh lâm sản trái pháp luật. Huyện Mường Tè năm 2018 có diện tích đất lâm nghiệp 257.930,1 ha, chiếm 96,2% diện tích tự nhiên của huyện. Diện tích rừng hiện có gần 173.000 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 163.951 ha; tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 đạt 64,8%, cao nhất tỉnh Lai Châu. Có được kết quả đó là nhờ chính sách chi trả DVMTR là yếu tố tác động rõ nét nhất (các số liệu chi tiết được trình bày trong bảng 4).

Bảng 4. Tình hình bảo vệ và phát triển rừng năm 2018 của huyện Mường Tè

Đơn vị: ha

STT	Xã, thị trấn	Tổng diện tích rừng	Chia ra			Tỷ lệ che phủ rừng (%)
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng khác	
1	TT. Mường Tè	596	596	-	-	48,81
2	Xã Bum Nưa	5.038	4.780	51,77	2.06,23	68,80
3	Xã Vàng San	5.499	5.327	117,49	54,51	57,75
4	Xã Nậm Khao	4.894	2.804	23,3	2.066,7	45,39
5	Xã Mường Tè	11.537	8.451	158,6	2.927,4	62,89
6	Xã Kan Hồ	15.983	14.092	56,64	1.835,0	67,38
7	Xã Pa Vệ Sù	13.789	13.703	-	86,1	57,06
8	Xã Pa Ủ	22.215	22.188	6,33	20,7	67,10
9	Xã Bum Tở	7.284	7.096	133,95	53,7	53,98
10	Xã Tá Bạ	8.277	8.217	59,84	-	72,76
11	Xã Ka Lăng	10.787	10.482	176,21	140,0	77,41
12	Xã Thu Lũm	9.342	9.037	178,03	126,8	82,75
13	Xã Mù Cà	29.489	29.262	22,5	243,1	76,89
14	Xã Tà Tổng	28.235	27.916	67,17	290,8	55,19
Toàn huyện		172.965	163.951	1.051,83	7.962,17	64,8

(Nguồn: UBND huyện Mường Tè, 2018 [7])

Để thực hiện tốt chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn, huyện Mường Tè đã tổ chức 68 Hội nghị tuyên truyền cấp xã về Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 99/NĐ-CP, các văn bản của Trung ương, của tỉnh đến cán bộ và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện cho trên 1.400 lượt người. Tổ chức 412 cuộc họp bản trên 19.000 lượt người tham gia, xây dựng được 88 biển hiệu (pano) tuyên truyền khu vực chi trả DVMTR ở các khu rừng các xã, thị trấn; phát 8.950 tờ rơi và tranh tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tới các bản của các xã, thị trấn [7]. Các thôn bản tham gia nhận khoán bảo vệ rừng đã thành lập các tổ chuyên trách, ban hành quy chế hoạt động, phân phối thu nhập từ nguồn DVMTR. Tổ chuyên trách thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng, đặc biệt trong mùa khô với các dụng cụ như dao phát, quần áo bảo hộ... được trang bị trích từ nguồn thu DVMTR. Có nơi còn làm đường tuần tra tại điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao, phát đường băng trắng cản lửa phòng chống cháy rừng, lập chốt gác bảo vệ rừng. Kết quả, số vụ phá rừng, cháy rừng, diện tích cháy và số vụ vi phạm luật giảm đáng kể. Tình trạng di cư tự do giảm, diện tích rừng đã được nâng lên (độ che phủ rừng của tỉnh từ 52,8% năm 2011 lên

64,8% năm 2018) góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai, đa dạng sinh học nâng lên, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Toàn huyện trong 3 năm (2016 - 2018) đã trồng mới gần 600 ha, trong đó có cây quế, cây mắc ca, cây sa mu. Cùng với đó, tiếp tục chăm sóc diện tích rừng phòng hộ đã trồng những năm trước; khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ 21.737 ha rừng đặc dụng. Thực hiện bảo vệ toàn bộ diện tích gần 173.000 ha rừng hiện có [7], [9]. Chăm sóc hàng trăm ha rừng trồng chuyển tiếp bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương... Cùng cố và duy trì hoạt động Ban chỉ đạo cấp huyện, 14 Ban chỉ đạo cấp xã và hàng chục tổ chuyên trách quản lý bảo vệ rừng ở thôn, bản. Đồng thời, huyện cũng có kế hoạch chỉ đạo hạt kiểm lâm thường xuyên bám sát địa bàn và phối hợp các chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm.

b) Một số điển hình về hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả DVMTR là ở 6 xã khu vực biên giới (Ka Lăng, Thu Lùm, Pa Ủ, Mù Cà, Tá Bạ và xã Mường Tè). Trước năm 2019, 6 xã này thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ phía Bắc Mường Tè (Ban thành lập năm 2010, sáp nhập vào Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Tè năm 2018), địa bàn các xã giáp biên giới với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, thuộc khu vực đầu nguồn sông Đà, địa hình chia cắt phức tạp độ dốc lớn. Diện tích tự nhiên 126.684,37 ha, trong đó diện tích rừng là 91.683 ha, chiếm 72,4% diện tích rừng của huyện. Năm 2018, có 59 cộng đồng bản và 4 tổ chức là Đoàn Biên phòng tham gia nhận khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 89.615 ha, kinh phí hơn 96 tỷ đồng, số tiền chi trả bình quân hơn 27 triệu/hộ, xã nhiều nhất 57 triệu đồng/hộ, xã thấp nhất 12 triệu đồng/hộ [7], [9]. Ban quản lý đã phổ biến chính sách chi trả DVMTR theo đúng Nghị định của Chính phủ và các văn bản tỉnh Lai Châu ban hành, nghĩa vụ của cấp xã, bản, nhân dân đối với công tác bảo vệ rừng, giữ rừng; quyền được hưởng lợi từ rừng, nhân dân bảo vệ tốt, giữ gìn tốt không cho cháy rừng, không phá rừng làm nương ngoài quy hoạch. Nhờ thực hiện tốt chính sách chi trả DVMTR đã tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người dân, không đốt rừng, phá rừng làm nương rẫy bừa bãi, vì vậy diện tích rừng tăng lên rõ rệt, độ che phủ của rừng ngày càng tăng. Từ khi có chi trả DVMTR người dân phấn khởi, tin tưởng vào các cấp chính quyền, không còn tình trạng vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, công tác tuần tra, phòng cháy, chữa cháy, thực hiện sâu sát, thiết thực hơn. Chính sách chi trả DVMTR đã góp phần tăng thu nhập, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhiều hộ gia đình mua sắm được nhiều vật dụng đắt tiền như xe máy, tivi, tủ lạnh, trâu, bò...

c) Hạn chế tồn tại

Kinh phí chi trả DVMTR chưa tương xứng với vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ rừng đầu nguồn. Mức thu tiền DVMTR từ các đối tượng (cơ sở thủy điện, cung cấp nước sạch) còn thấp và chậm được điều chỉnh, ví dụ: năm 2010 thu 20 đồng/kwh, năm 2016 thu 36 đồng/kwh, từ năm 2019 thu 36 đồng/kwh; đồng thời vẫn còn tình trạng nợ tiền DVMTR [8], [9].

Công tác giao đất giao rừng đến nay nhiều bất cập, xảy ra tranh chấp, có tình trạng rừng không được quản lý bảo vệ tốt. Trình độ dân trí của người dân còn thấp nên việc tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ rừng và phát triển rừng còn gặp nhiều khó khăn. Cơ chế chính sách về thực hiện chính sách chi trả DVMTR đã được ban hành song còn thiếu, vừa thực hiện vừa hoàn thiện nên một số khâu chưa đồng bộ.

Một bộ phận cán bộ và người dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của tài nguyên rừng, còn trông chờ ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước; Công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai chính sách ở các cấp còn chậm và chưa đa dạng hiệu quả, đặc biệt là ở cấp xã; công tác thông tin báo cáo giữa cấp tỉnh, huyện chưa thường xuyên. Chính quyền một số xã chưa thực sự quan tâm vào cuộc để tổ chức thực hiện kế hoạch được UBND huyện giao đối với chỉ tiêu trồng rừng. Năng lực cán bộ ở một số Ban quản lý rừng phòng hộ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa làm hết trách nhiệm, thiếu chủ động linh hoạt.

4. Kết luận

Thực hiện chi trả DVMTR là một trong chính sách có tác động lớn đến công tác quản lý và phát triển rừng ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, một huyện miền núi, đầu nguồn sông Đà, địa

bản có tỷ lệ che phủ rừng đến 65%, do vậy đây là một chính sách hiệu quả để thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng của Đảng và Nhà nước. Chính sách chi trả DVMTR được triển khai đã thu được nhiều thành quả, góp phần quản lý, bảo vệ rừng, thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, giảm áp lực chi ngân sách nhà nước; việc chặt phá rừng giảm, tỷ lệ che phủ rừng hằng năm tăng. Nguồn thu từ DVMTR tiếp tục tăng lên góp phần nâng cao vai trò, giá trị của rừng; xóa đói giảm nghèo và quản lý hiệu quả phát triển bền vững tài nguyên rừng.

Tổng nguồn thu từ DVMTR của tỉnh Lai Châu đến từ hai đối tượng chính: cơ sở thủy điện, cung cấp nước sạch, trong đó phần lớn nguồn thu từ các cơ sở thủy điện. Hằng năm, Mường Tè là huyện có nguồn chi trả DVMTR cao nhất của tỉnh Lai Châu. Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của chính sách chi trả DVMTR, đời sống người dân dần được cải thiện, nhiều hộ đã sử dụng tiền chi trả DVMTR để tái đầu tư sản xuất, mua cây giống và vật nuôi; đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Từ đó, ý thức và trách nhiệm bảo vệ rừng của cấp ủy, chính quyền cấp xã và đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện Mường Tè được nâng cao. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả DVMTR, chúng tôi có những đề xuất mang tính khuyến nghị sau: (i) Đề nghị Chính phủ xem xét tăng đơn giá thu DVMTR đối với các nhà máy thủy điện để địa phương có thêm nguồn thu phục vụ công tác bảo vệ và quản lý rừng; (ii) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam sớm có hướng dẫn cụ thể việc thu tiền đối với các đối tượng và loại dịch vụ phải trả tiền DVMTR, cụ thể là các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ DVMTR; các đối tượng sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản...; (iii) Khuyến nghị với UBND tỉnh Lai Châu: Kiện toàn tổ chức bộ máy Quỹ bảo vệ môi trường rừng của tỉnh và cấp huyện; đầu tư nguồn lực (kinh phí, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện, nhân lực,...) để Quỹ bảo vệ môi trường rừng hoạt động hiệu quả; Lồng ghép thực hiện chính sách chi trả DVMTR với các chính sách khuyến khích phát triển lâm nghiệp; Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách chi trả DVMTR; chỉ đạo giải ngân tiền DVMTR kịp thời, đầy đủ đến các hộ dân và chủ rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. L. Pham, "Payments for forest environmental services in Vietnam: Situation and solution," *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 1, pp. 198-202, 2018.
- [2] T. T. Pham, K. Bennett, T. P. Vu, J. Brunner, D. L. Ngoc, and D. T. Nguyen, *Payments for forest environmental services in Vietnam: from policy to practice*. Occasional Paper 93, Bogor, Indonesia: CIFOR, 2013.
- [3] Q. B. Tran, K. L. Nguyen, T. L. Khuong, and H. H. Nguyen, "The policy's impact of payment for forest environmental services on forest protection in Ta Dung National Park, Dak Nong province," *Journal of Forestry Science and Technology*, no. 5, pp. 61 – 72, 2020.
- [4] T. T. Pham, T. L. C. Dao, T. L. Hoang, D. T. Nguyen, M. T. Le, H. H. Nong, and T. N. Dang, *Impacts of payment for forest environmental services (PFES) in Son La, Viet Nam*, (in Vietnamese), Occasional Paper 188. Bogor, Indonesia: CIFOR, 2018.
- [5] T. S. Cao, T. T. D. Nguyen, T. L. Nguyen, and D. V. Tran, "Impact Assessment of Direct Payments for forest environmental services in Babe district, Backan province on forest protection activities and local people's attitude," *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, vol. 15, no. 8, pp.1033-1042, 2017.
- [6] T. H. Doan and T. L. Pham, "Potential of payment for forest environmental services in the coastal forests in Thanh Hoa," *Journal of Forestry Science and Technology*, no. 1, pp. 160-170, 2021.
- [7] Muong Te District People's Committee, *Report on assessment of implementation of the master plan on socio-economic development of Muong Te district up to 2020*, 2019.
- [8] Lai Chau Province People's Committee, *Report on preliminary assessment of 8 years of organization of activities of the Forest Protection and Development Fund and 5 years of implementation of the policy on payment for forest environmental services associated with forest management and protection in Lai Chau province*, 2016.
- [9] Muong Te District Protection Forest Management Board, *Annual report on results of implementation of forest protection and development plan and next year's forest protection and development plan (2014-2019)*.